

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 97/2021/DS-ST

Ngày 26-11-2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ
2. Ông Rcom Blan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Hạ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2021/TLST-DS ngày 02-3-2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2021/QĐST-DS ngày 05-10-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A; địa chỉ: Số H, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Trung Hiếu; địa chỉ: Số H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Công D (có mặt) và bà Hà Thị T (vắng mặt); địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng A thông qua Chi nhánh Gia Lai (sau đây gọi chung là Ngân hàng) cho ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số N.0874/118 ngày 02-11-2018, số tiền vay là 1.400.000.000 đồng, lãi trong hạn là 10.5%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 15.75% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ lãi quá hạn, mục đích vay là chăm sóc cà phê và tiêu, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 02-11-2018 (kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân cho bên vay). Giữa các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn, tuy nhiên trong quá trình cho vay thì Ngân hàng không có điều chỉnh lãi suất mà lãi suất cho vay giữ nguyên là 10.5%/năm. Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng trên giữa Ngân hàng với ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T có giao kết Hợp đồng thế chấp tài sản N8780/TC17 ngày 31-10-2017 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số N8780/TC17-01/2018/PLHĐ ngày 02-11-2018. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6 thuộc tờ bản đồ số 00 (theo số liệu đo đạc năm 2012 là thửa số 91 tờ bản đồ 33) xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 391635 ngày 03-7-2012 cho ông Hoàng Văn T và bà

Nguyễn Thị T1 được chuyển nhượng cho ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T theo Hồ sơ số 147/2016 ngày 02-02-2016; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 78 thuộc tờ bản đồ số 00 (theo số liệu đo đạc năm 2012 là thửa số 126, tờ bản đồ số 33) xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 436922 ngày 25-3-2013 cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 được chuyển nhượng cho ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T theo Hồ sơ số 148/2016 ngày 02-02-2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T không trả nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã giao kết nên từ ngày 03-11-2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ sang nợ quá hạn. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 26-11-2021 là 2.003.102.743 đồng, trong đó nợ gốc là 1.400.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 456.102.740 đồng, tiền lãi trong hạn là 147.000.003 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ. Trường hợp ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T không trả được số nợ trên thì Ngân hàng yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Bị đơn Hà Thị T và Đỗ Công D trình bày: Vợ chồng bà Hà Thị T và ông Đỗ Công D có vay tiền của Ngân hàng A thông qua Chi nhánh Gia Lai với số tiền 1.400.000.000 đồng và thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như phía Ngân hàng trình bày là đúng. Do điều kiện hiện nay của bà T và ông D rất khó khăn, không có khả năng trả nợ nên đề nghị Ngân hàng cho gia hạn trả nợ và Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Quyết định số 11/QĐ-DAB-HĐQT ngày 24-01-2019; giấy chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Văn Mạnh; quyết định số 4833/QĐ-DAB-PC ngày 24-9-2020; quyết định số 154/QĐ-DAB-HĐQT ngày 27-8-2020; quyết định số 08/QĐ-DAB ngày 29-12-2020; giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; bản cam kết ngày 30-10-2018; bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay ngày 02-11-2018; hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N.0874/118 ngày 02-11-2018; đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 31-10-2017; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N0349/TC18 ngày 08-5-2018; văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số N8780/TC17-01/2018PLHĐ; sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân của ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T; giấy khai sinh của Nguyễn Phước Lộc; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 436922 và BL 391635; giấy chứng nhận kết hôn của ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T; điều lệ tổ chức và hoạt động; bảng kê tính lãi; hoạt động khế ước cho vay tín dụng; giấy ra viện ngày 21-9-2021; đơn xin vắng mặt ghi ngày 28-9-2021; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15-7-2021.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn Hà Thị T yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn Hà Thị T đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số N.0874/118 ngày 02-11-2018 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ Luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 26-11-2021 là 2.003.102.743 đồng, trong đó nợ gốc là 1.400.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 456.102.740 đồng, tiền lãi trong hạn là 147.000.003 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T có giao kết Hợp đồng thế chấp tài sản N8780/TC17 ngày 31-10-2017 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số N8780/TC17-01/2018/PLHD ngày 02-11-2018. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6 thuộc tờ bản đồ số 00 (theo số liệu đo đạc năm 2012 là thửa số 91 tờ bản đồ 33) xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 391635 ngày 03-7-2012 cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 được chuyển nhượng cho ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T theo Hồ sơ số 147/2016 ngày 02-02-2016; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 78 thuộc tờ bản đồ số 00 (theo số liệu đo đạc năm 2012 là thửa số 126, tờ bản đồ số 33) xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 436922 ngày 25-3-2013 cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 được chuyển nhượng cho ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T theo Hồ sơ số 148/2016 ngày 02-02-2016. Hợp đồng nói trên có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực và các bên buộc phải thực hiện. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 15-7-2021 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T phải liên đới hoàn lại cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 288, Điều 299, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

2. Buộc ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T phải liên đới trả cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số N.0874/118 ngày 02-11-2018 tính đến ngày 26-11-2021 là 2.003.102.743 đồng (hai tỷ không trăm không ba triệu một trăm không hai nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng), nợ lãi quá hạn là 456.102.740 đồng (bốn trăm năm mươi sáu triệu một trăm không hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng), tiền lãi trong hạn là 147.000.003 đồng (một trăm bốn mươi bảy triệu không nghìn không trăm không ba đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

3. Trong trường hợp ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản N8780/TC17 ngày 31-10-2017 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số N8780/TC17-01/2018/PLHĐ ngày 02-11-2018. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6 thuộc tờ bản đồ số 00 (theo số liệu đo đạc năm 2012 là thửa số 91 tờ bản đồ số 33) xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 391635 ngày 03-7-2012 cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 được chuyển nhượng cho ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T theo Hồ sơ số 147/2016 ngày 02-02-2016; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 78 thuộc tờ bản đồ số 00 (theo số liệu đo đạc năm 2012 là thửa số 126, tờ bản đồ số 33) xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 436922 ngày 25-3-2013 cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 được chuyển nhượng cho ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T theo Hồ sơ số 148/2016 ngày 02-02-2016.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Buộc ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T phải liên đới trả lại cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

6. Về án phí: Buộc ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 108.926.767 đồng (một trăm không tám triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng). Ngân hàng A không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.911.213 đồng (ba mươi hai triệu chín trăm mười một nghìn hai trăm mười ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 00011865 ngày 02-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính